

BÁO CÁO

Kết quả thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

- Tỉnh Sóc Trăng nằm ở phía Đông Nam vùng đồng bằng sông Cửu Long; phía Tây Bắc giáp tỉnh Hậu Giang, phía Đông Bắc giáp tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh, phía Tây Nam giáp tỉnh Bạc Liêu, phía Đông Nam giáp Biển Đông.

- Trên địa bàn tỉnh có hệ thống giao thông thủy, bộ thuận lợi cho việc giao lưu, phát triển kinh tế với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; cụ thể: Trục Quốc lộ 1A, Quốc lộ 60, Quốc lộ Nam sông Hậu và Quản lộ Phụng Hiệp. Ngoài ra, thông qua Sông Hậu có thể đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và tỉnh Sóc Trăng có bờ biển dài hơn 72 km, là một lợi thế so với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 329.820 ha. Tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 08 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố), 109 đơn vị hành chính cấp xã, phường (gồm 17 phường, 12 thị trấn, 80 xã).

2. Địa hình, địa mạo

Sóc Trăng có địa hình tương đối thấp và bằng phẳng, độ cao địa hình thay đổi trong khoảng 0,2 - 2 m so với mặt nước biển, vùng nội đồng có cao độ trung bình từ 0,5 - 1,0 m; bao gồm 3 dạng chính:

- Đồng bằng tích tụ ven sông: Chiếm phần lớn diện tích của tỉnh, độ cao địa hình phổ biến trong khoảng 0,5 - 1,5 m.

- Đồng bằng tích tụ ven biển: Chiếm diện tích ít hơn, độ cao địa hình phổ biến trong khoảng 0,5 - 2,0 m.

- Các giồng cát cổ: Phân bố thành từng dải hình cánh cung kéo dài theo hướng song song bờ biển, độ cao địa hình phổ biến trong khoảng 1,5 - 2,0 m.

3. Khí hậu

Tỉnh Sóc Trăng có đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo và chia làm hai mùa rõ rệt, mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11) và mùa khô (từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau).

4. Thủy văn

Tỉnh Sóc Trăng chịu ảnh hưởng chế độ thủy văn của Sông Hậu và thủy triều Biển Đông, với chế độ thủy triều 2 lần/ngày, biên độ dao động trung bình 0,4 - 1,0 m. Vào mùa mưa, một phần các huyện Mỹ Tú, Thạnh Trị, thị xã Ngã Năm bị úng ngập; vào mùa khô, các huyện ven biển, ven cửa Sông Hậu bị nhiễm mặn, triều cường. Tỉnh có hệ thống sông ngòi, kênh rạch khá dày và phân bố khá đều trên địa bàn, chủ yếu thuộc hệ thống Sông Hậu và sông nội đồng, những sông này có tiềm năng về giao thông vận tải và cung cấp lượng phù sa cho tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU

1. Tình hình tổ chức thực hiện

Thực hiện Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Công văn số 2551/TCQLĐĐ-CKSQLSĐĐ ngày 05/11/2021 của Tổng cục Quản lý Đất đai về việc thống kê diện tích đất đai năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thống kê đất đai năm 2021, cụ thể:

- Tháng 11/2021: Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai kế hoạch thống kê đất đai năm 2021 cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện) và Công văn số 112/STNMT-CCĐĐ ngày 11/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện thống kê đất đai hàng năm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Từ ngày 15/11/2021 đến ngày 31/12/2021 (trong thời gian thực hiện phải tiếp tục tổng hợp cả các trường hợp biến động đất đai): Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện, hoàn thành và nộp báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 16/01/2022.

- Từ ngày 16/01/2022 đến trước ngày 01/02/2022: Cấp huyện tiếp nhận số liệu thống kê đất đai cấp xã, kiểm tra, tổng hợp số liệu thống kê đất đai cấp huyện, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Từ ngày 01/02/2022 đến trước ngày 16/02/2022: Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận số liệu từ cấp huyện, kiểm tra, tổng hợp số liệu thống kê đất đai cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Phương pháp thu thập số liệu

a) Số liệu thống kê đất đai năm 2021 được tổng hợp trên cơ sở số liệu thống kê đất đai năm 2020, kết hợp các tài liệu về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất để cập nhật những biến động và tổng hợp thành các biểu mẫu thống kê đất đai theo quy định.

b) Phần mềm sử dụng để nhập và tổng hợp số liệu: Phần mềm TK destop và đồng bộ lên phần mềm TK online do Bộ Tài nguyên và Môi trường phát hành.

3. Lực lượng tham gia

a) Công chức địa chính các xã, phường, thị trấn.

b) Cán bộ, viên chức và người lao động của Văn phòng Đăng ký đất đai tại các Chi nhánh.

c) Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường.

d) Cán bộ, viên chức và người lao động Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguồn tài liệu phục vụ thống kê

a) Sổ mục kê đất đai.

b) Sổ theo dõi biến động đất đai.

c) Kết quả thống kê đất đai năm 2020.

d) Các quyết định thu hồi đất, giao đất, thuê, chuyển mục đích sử dụng đất,...

III. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2021

Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 329.820 ha, cụ thể:

1. Đất nông nghiệp

Tổng diện tích 278.896 ha, chiếm 84,56% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh; trong đó:

a) Đất sản xuất nông nghiệp (*đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm*): 212.115 ha, chiếm 76,06% đất nông nghiệp và chiếm 64,31% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

b) Đất lâm nghiệp: 9.039 ha, chiếm 3,24% đất nông nghiệp và chiếm 2,74% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

c) Đất nuôi trồng thủy sản: 56.949 ha, chiếm 20,42% diện tích đất nông nghiệp và chiếm 17,27% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

d) Đất làm muối: 522 ha, chiếm 0,19% diện tích đất nông nghiệp và chiếm 0,16% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

đ) Đất nông nghiệp khác: 272 ha, chiếm 0,10 % diện tích đất nông nghiệp và chiếm 0,08% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

2. Đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích 50.262 ha, chiếm 15,24% tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh; trong đó:

a) Đất ở: 6.055 ha, chiếm 12,05% đất phi nông nghiệp và chiếm 1,84% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

b) Đất chuyên dùng: 21.767 ha, chiếm 43,31% đất phi nông nghiệp và chiếm 6,60% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

c) Đất cơ sở tôn giáo: 382 ha, chiếm 0,76% diện tích đất phi nông nghiệp và chiếm 0,12% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

d) Đất cơ sở tín ngưỡng: 56 ha, chiếm 0,11% diện tích đất phi nông nghiệp và chiếm 0,02% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

đ) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 491 ha, chiếm 0,98% đất phi nông nghiệp và chiếm 0,15% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

e) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 21.488 ha, chiếm 42,75% diện tích đất phi nông nghiệp và chiếm 6,51% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

g) Đất có mặt nước chuyên dùng: 6 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp và chiếm 0,002% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

h) Đất phi nông nghiệp khác: 16 ha, chiếm 0,03% diện tích đất phi nông nghiệp và chiếm 0,005% so với tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

3. Đất chưa sử dụng

Tổng diện tích 663 ha, chiếm 0,2% tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh.

IV. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI NĂM 2021

Diện tích đất tự nhiên của tỉnh năm 2021 là 329.820 ha, không thay đổi so với kỳ thống kê năm 2020.

1. Đất nông nghiệp

Tổng diện tích 278.896 ha, giảm 380 ha so với số liệu thống kê năm 2020 (279.276 ha); cụ thể:

a) Đất sản xuất nông nghiệp: 212.115 ha, giảm 160 ha so với số liệu thống kê năm 2020 (212.275 ha), trong đó:

Đất trồng cây hàng năm: 162.831 ha, giảm 125 ha so với số liệu thống kê năm 2020 (162.956 ha). Trong các loại đất trồng cây hàng năm, đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác biến động về diện tích như sau:

- Đất trồng lúa: 144.881 ha, giảm 76 ha so với số liệu thống kê năm 2020.

+ Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 144.957 ha.

+ Chu chuyển tăng: 17 ha (làm tròn số), do nhận từ đất trồng cây hàng năm 2 ha và đất trồng cây lâu năm 15 ha trên địa bàn thị xã Ngã Năm (tại thời điểm kiểm kê, người sử dụng đất lên líp trồng cây lâu năm; tuy nhiên, không mang lại hiệu quả kinh tế và đã chuyển lại trồng lúa (thuộc xã Long Bình, xã Tân Long, xã Vĩnh Quới)).

+ Chu chuyển giảm: 93 ha (làm tròn số), do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 26 ha, đất nông nghiệp khác 5 ha, đất ở tại nông thôn 5 ha, đất ở tại đô thị 4 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 1 ha, đất Quốc phòng 33 ha, đất xây dựng công

trình sự nghiệp 1 ha, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,0 ha, đất có mục đích công cộng 16 ha, đất cơ sở tôn giáo 1 ha (trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố).

+ Cân đối tăng (giảm): Giảm 76 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: 17.950 ha, giảm 49 ha so với số liệu thống kê năm 2020.

+ Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 17.999 ha.

+ Chu chuyển tăng: 2 ha (làm tròn số), do nhận từ đất có mục đích công cộng; nguyên nhân do thống kê năm 2020 đơn vị thành phố Sóc Trăng xác định sai loại đất dẫn đến thống kê vào loại đất công cộng.

+ Chu chuyển giảm: 50 ha (làm tròn số), do chuyển sang đất trồng lúa 2 ha, đất trồng cây lâu năm 1 ha, đất nuôi trồng thủy sản 1 ha, đất ở tại nông thôn 1 ha, đất ở tại đô thị 2 ha, đất quốc phòng 1 ha, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 2 ha, đất có mục đích công cộng 40 ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Giảm 49 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: 49.284 ha, giảm 35 ha (làm tròn số) so với số liệu thống kê năm 2020.

+ Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 49.319 ha.

+ Chu chuyển tăng: 27 ha, do nhận từ đất trồng lúa là 26 ha, đất trồng cây hàng năm khác là 1 ha.

+ Chu chuyển giảm: 62 ha (làm tròn số), do chuyển sang đất trồng lúa 15 ha (thuộc xã Long Bình, xã Tân Long, xã Vĩnh Quới), đất ở tại nông thôn 4 ha, đất ở tại đô thị 8 ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp 1 ha, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1 ha và đất có mục đích công cộng 34 ha (làm tròn).

+ Cân đối tăng (giảm): Giảm 35 ha.

b) Đất lâm nghiệp: 9.039 ha, giảm 49 ha (làm tròn số) so với số liệu thống kê năm 2020 (9.088 ha), trong đó:

- Đất rừng sản xuất: 4.009 ha, không biến động so với thống kê năm 2020.

- Đất rừng phòng hộ: 4.751 ha, giảm 49 ha so với kỳ thống kê năm 2020.

+ Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 4.800 ha.

+ Chu chuyển tăng: 0 ha.

+ Chu chuyển giảm: 49 ha, do chuyển sang đất có mục đích công cộng 10 ha (làm tròn số), đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 40 ha (do sạt lở trên địa bàn xã Song Phụng, huyện Long Phú diện tích 39,81 ha và phần còn lại thực hiện Tiểu dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung trên địa bàn xã An Thạnh 3 và xã An Thạnh nam).

+ Cân đối tăng (giảm): Giảm 49 ha, do thực hiện các dự án điện gió trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu, huyện Cù lao Dung và theo điều tra đất rừng thuộc huyện Long Phú.

- Đất rừng đặc dụng: 279 ha, không biến động so với thống kê năm 2020.

c) Đất nuôi trồng thủy sản: 56.949 ha, giảm 184 ha so với số liệu thống kê năm 2020.

- Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 57.133 ha.

- Chu chuyển tăng: 1 ha, do nhận từ đất trồng cây hàng năm khác.

- Chu chuyển giảm: 185 ha (làm tròn số), do chuyển sang đất nông nghiệp khác 8 ha, đất ở tại nông thôn 1 ha, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 2 ha, đất có mục đích công cộng 174 ha.

- Cân đối tăng (giảm): Giảm 184 ha.

d) Đất làm muối: 522 ha, không biến động so với thống kê năm 2020.

đ) Đất nông nghiệp khác: 272 ha, tăng 13 ha so với số liệu thống kê năm 2020.

- Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 259 ha.

- Chu chuyển tăng: 13 ha, do nhận từ đất trồng lúa là 5 ha, đất nuôi trồng thủy sản 8 ha.

- Chu chuyển giảm: Không.

- Cân đối tăng (giảm): Tăng 13 ha.

2. Đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích là 50.262 ha, tăng 380 ha so với số liệu thống kê năm 2020 (49.881 ha). Trong năm 2021, diện tích các loại đất phi nông nghiệp biến động như sau:

a) Đất ở: 6.055 ha, tăng 23 ha so với số liệu thống kê năm 2020 (6.032 ha), cụ thể:

- Đất ở tại nông thôn: 4.346 ha, tăng 7 ha (làm tròn số) so với số liệu thống kê năm 2020.

+ Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 4.339 ha.

+ Chu chuyển tăng: 11 ha (làm tròn số), do nhận từ đất trồng lúa 5 ha, đất trồng cây hàng năm khác 1 ha, đất trồng cây lâu năm 4 ha và đất nuôi trồng thủy sản 1 ha.

+ Chu chuyển giảm: 4 ha do chuyển sang đất có mục đích công cộng phục vụ thi công các công trình giao thông trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 7 ha.

- Đất ở tại đô thị: 1.709 ha, tăng 178 ha, so với số liệu thống kê năm 2020.

+ Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 1.693 ha.

+ Chu chuyển tăng: 17 ha (làm tròn số), do nhận từ đất trồng lúa 4 ha, đất trồng cây hàng năm khác 2 ha, đất trồng cây lâu năm 8 ha và đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 3 ha.

+ Chu chuyển giảm: 1 ha (làm tròn số) sang đất có mục đích công cộng phục vụ thi công các công trình giao thông trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 17 ha (làm tròn số).

b) Đất chuyên dùng: 21.767 ha, tăng 319 ha so với số liệu thống kê năm 2020 (21.448 ha), trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 228,31 ha (làm tròn số 228 ha), tăng 1 ha (làm tròn số) so với số liệu thống kê năm 2020.

+ Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 227,5 ha (làm tròn số 228 ha).

+ Chu chuyển tăng: 0,75 ha (làm tròn số 1 ha), do nhận từ đất trồng trồng lúa.

+ Chu chuyển giảm: 0 ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 1 ha (làm tròn số).

- Đất quốc phòng: 530 ha, tăng 35 ha so với số liệu thống kê năm 2020.

+ Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 495 ha (trong đó, đã thực hiện thống kê đối với diện tích Ban Chỉ huy Quân sự huyện Mỹ Xuyên).

+ Chu chuyển giảm: 0 ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 35 ha.

- Đất an ninh: 185 ha, không biến động so với thống kê năm 2020.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 658 ha, tăng 1 ha so với số liệu thống kê năm 2020.

+ Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 657 ha.

+ Chu chuyển tăng: 2 ha (làm tròn số), do nhận từ đất trồng lúa 1 ha (làm tròn số), đất trồng cây hàng năm khác 1 ha (làm tròn số) và đất trồng cây lâu năm 1 ha (làm tròn số).

+ Chu chuyển giảm: 1 ha, do chuyển sang đất có mục đích công cộng.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 1 ha.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 1.242 ha, tăng 03 ha so với số liệu thống kê năm 2020.

+ Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 1.239 ha.

+ Chu chuyển tăng: 6 ha, do nhận từ đất trồng lúa 1 ha, đất trồng cây hàng năm khác 2 ha, đất trồng cây lâu năm 1 ha và đất nuôi trồng thủy sản 2 ha.

+ Chu chuyển giảm: 3 ha do chuyển sang đất ở tại đô thị.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 03 ha.

- Đất có mục đích công cộng: 18.923 ha, tăng 279 ha so với số liệu thống kê năm 2020.

+ Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 18.645 ha.

+ Chu chuyển tăng: 282 ha (làm tròn số), do nhận từ đất trồng lúa 16 ha, đất trồng cây hàng năm khác 40 ha, đất trồng cây lâu năm 34 ha, đất rừng phòng hộ 10 ha, đất nuôi trồng thủy sản 174 ha, đất ở tại nông thôn 4 ha, đất ở tại đô thị 1 ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp 1 ha và đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 2 ha.

+ Chu chuyển giảm: 3 ha, do chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 2,0 ha, do đơn vị thành phố Sóc Trăng xác định chưa đúng loại đất hiện trạng dẫn đến thống kê vào loại đất công cộng, đất quốc phòng 1 ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 279 ha.

c) Đất cơ sở tôn giáo: 382 ha, tăng 1 ha so với số liệu thống kê năm 2020.

- Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 381 ha.

- Chu chuyển tăng: 1 ha, do nhận từ đất trồng lúa.

- Chu chuyển giảm: 0 ha.

- Cân đối tăng (giảm): Tăng 1 ha.

d) Đất cơ sở tín ngưỡng: 56 ha, không biến động so với thống kê năm 2020.

đ) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ: 491,48 ha (làm tròn số 491 ha), giảm 0,07 ha so với số liệu thống kê năm 2020.

- Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 491,55 ha (làm tròn số 492 ha).

- Chu chuyển tăng: 0 ha.

- Chu chuyển giảm: 0,07 ha.

- Cân đối tăng (giảm): Tăng 0,07 ha (làm tròn số 0 ha).

e) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 21.488 ha, tăng 38 ha do nhận từ đất rừng phòng hộ (sạt lở trên địa bàn xã Song Phụng huyện Long Phú, với diện tích 39,81 ha và thực hiện Tiểu dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung trên địa bàn xã An Thạnh 3 và xã An Thạnh Nam.

- Theo số liệu thống kê đến hết ngày 31/12/2020: 21.450 ha.

- Chu chuyển tăng: 40 ha.

- Chu chuyển giảm: 2 ha, do chuyển sang đất có mục đích công cộng.

- Cân đối tăng (giảm): Tăng 38 ha.

g) Đất có mặt nước chuyên dùng: 6 ha, không biến động so với thống kê năm 2020.

h) Đất phi nông nghiệp khác: 16 ha, không biến động so với thống kê năm 2020.

3. Đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng là 663 ha, không biến động so với số liệu thống kê năm 2020.

(Chi tiết theo các Biểu 01, 02, 03, 04, 05, 11, 12, 13, 14 và 15 đính kèm).

V. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

- Công tác thống kê đất đai là nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai; Bộ số liệu thống kê diện tích đất đai năm 2021 của tỉnh Sóc Trăng góp phần cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về diện tích các loại đất, đối tượng sử dụng đất,... phục vụ các cơ quan nhà nước trong việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2021 của tỉnh Sóc Trăng được thực hiện đúng, đầy đủ nội dung, đảm bảo chất lượng theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; số liệu thống kê đất đai được tổng hợp từ số liệu thống kê đất đai năm 2020 và đã được bổ sung các biến động đất đai trong năm 2021; qua đó, phản ánh đúng hiện trạng sử dụng đất của tỉnh.

- Trong năm 2021, một số các loại đất trên địa bàn tỉnh biến động về diện tích so với năm 2020 (phù hợp các chỉ tiêu biến động của kế hoạch sử dụng đất năm 2021); trong đó, diện tích đất nông nghiệp giảm 297 ha do thu hồi đất để phục vụ mục đích xây dựng công trình sự nghiệp, sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, mở rộng cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân và một phần do hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở.

- Diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn tỉnh còn rất lớn, nguyên nhân do phần đất này thuộc đất mặt nước và bãi bồi ven biển trên địa bàn huyện Cù Lao Dung và thị xã Vĩnh Châu thường xuyên ngập nước; qua đó, trong thời gian tới, tỉnh sẽ có phương án khai thác, bố trí sử dụng vào các mục đích thích hợp (trồng rừng, nuôi trồng thủy sản...) để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Kiến nghị

- Hiện nay, phần mềm tổng hợp số liệu thống kê đất đai còn chưa ổn định, đôi lúc không thể truy cập và việc sử dụng gặp nhiều khó khăn (cách làm tròn số trong các biểu bảng, chưa thực hiện kết nối được với số liệu thống kê, kiểm kê của những năm trước...); do đó, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện phần mềm và có kế hoạch tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực thống kê đất đai cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường các tỉnh để đáp ứng kịp thời, đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn kịp thời về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các địa phương để công tác quản lý và sử dụng đất đai đi vào nề nếp đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là kết quả thông kê đất đai năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Tổng cục QLDD;
- Sở TN&MT;
- Lưu: VT. *Sóc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Wang Quoc Nam

Vương Quốc Nam